

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU**

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,  
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

---

**MỤC LỤC**

**Trang**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 – 2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3 – 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán riêng

5 – 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

8

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

9 – 31

*Handwritten signature/initials*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận  
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Quang	Chủ tịch
Ông Trần Tuyên Đức	Phó Chủ tịch
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Đỗ Văn Hào	Thành viên
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Hoàng Hải Thịnh	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 03/01/2017)
Ông Đặng Nam Sơn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 03/01/2017)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Mai Thị Thúy Mai	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Minh Huân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 22/04/2016)
Ông Lê Phước Lộ	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22/04/2016)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Hải Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Quang	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03/01/2017)
Ông Hà Thế Thập	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/04/2016)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận  
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

#### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**Trần Anh Tuấn**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Số: 17.303/BCKT-RSM HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2017 từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### KT TỔNG GIÁM ĐỐC



**Lục Thị Vân**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0172-2016-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2017



**Huỳnh Thị Ngọc Trinh**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
2124-2016-026-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>527.167.179.298</b>	<b>434.052.985.554</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>46.285.928.094</b>	<b>14.654.234.758</b>
1. Tiền	111		34.285.928.094	14.654.234.758
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.000.000.000	-
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>322.986.574.927</b>	<b>325.367.355.006</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	252.789.327.929	227.738.833.766
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	10.543.474.110	62.757.708.123
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	62.161.235.524	37.378.275.753
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.507.462.636)	(2.507.462.636)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.6	<b>157.167.272.576</b>	<b>92.900.409.466</b>
1. Hàng tồn kho	141		161.099.850.035	94.774.687.090
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.932.577.459)	(1.874.277.624)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>727.403.701</b>	<b>1.130.986.324</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		385.739.291	485.702.139
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		341.664.410	645.284.185
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>70.245.242.767</b>	<b>68.293.333.954</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>359.925.410</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	359.925.410
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>39.398.187.566</b>	<b>40.499.854.731</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	39.299.259.558	40.442.351.320
Nguyên giá	222		81.599.542.021	70.291.199.309
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.300.282.463)	(29.848.847.989)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	98.928.008	57.503.411
Nguyên giá	228		1.412.067.369	1.325.108.555
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.313.139.361)	(1.267.605.144)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.2	<b>19.743.127.408</b>	<b>16.620.867.533</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		24.200.000.000	17.950.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.456.872.592)	(1.329.132.467)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.103.927.793</b>	<b>10.812.686.280</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	10.915.164.459	10.605.046.613
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		188.763.334	207.639.667
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>597.412.422.065</b>	<b>502.346.319.508</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>490.005.375.992</b>	<b>407.094.408.080</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>490.005.375.992</b>	<b>401.449.409.080</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	249.033.866.225	183.333.316.956
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	25.627.940.199	71.092.137.051
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	5.042.783.069	7.560.703.670
4. Phải trả người lao động	314	5.13	3.745.638.822	3.971.493.085
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	5.889.019.525	10.837.459.555
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15	5.090.820.770	4.822.307.719
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	2.600.792.478	2.104.039.613
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	192.974.514.904	117.727.951.431
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>5.644.999.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	-	5.644.999.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>107.407.046.073</b>	<b>95.251.911.428</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.18.1	<b>107.407.046.073</b>	<b>95.251.911.428</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.18.2	84.879.070.000	82.879.070.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		84.879.070.000	82.879.070.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		613.725.739	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.914.250.334	12.372.841.428
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		3.471.208.689	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.443.041.645	12.372.841.428
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>597.412.422.065</b>	<b>502.346.319.508</b>



**Trần Anh Tuấn**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2017

**Trần Phan Thúy An**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Thu Hiền**  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	797.385.862.948	668.010.650.792
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	22.870.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		797.385.862.948	667.987.780.792
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	686.472.158.612	564.843.285.766
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		110.913.704.336	103.144.495.026
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.187.766.910	1.299.764.432
7. Chi phí tài chính	22	6.4	16.078.135.248	14.011.702.718
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>11.106.995.820</i>	<i>10.346.681.352</i>
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	31.230.345.905	31.367.607.660
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	53.008.886.075	47.385.383.338
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.784.104.018	11.679.565.742
11. Thu nhập khác	31	6.7	7.768.045.314	4.684.259.630
12. Chi phí khác	32		818.543.573	139.112.910
13. Lợi nhuận khác	40		6.949.501.741	4.545.146.720
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.733.605.759	16.224.712.462
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	4.271.687.782	3.467.197.682
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		18.876.332	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.443.041.645	12.757.514.780



**Trần Anh Tuấn**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2017

**Trần Phan Thúy An**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Thu Hiền**  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.733.605.759	16.224.712.462
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.8	13.452.925.576	14.896.117.611
Các khoản dự phòng	03		5.186.039.960	2.080.478.701
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.4	490.687.321	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.170.271.558)	(348.039.668)
Chi phí lãi vay	06	6.4	11.106.995.820	10.346.681.352
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>46.799.982.878</b>	<b>43.199.950.458</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.424.325.264	(97.625.985.697)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(66.325.162.945)	(25.435.331.127)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		13.476.472.060	114.966.896.288
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(210.154.998)	(28.104.473.143)
Tiền lãi vay đã trả	14		(11.096.748.790)	(10.063.914.063)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.13	(4.657.161.331)	(2.526.849.435)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<b>(17.588.447.862)</b>	<b>(5.589.706.719)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.547.776.465)	(37.210.521.955)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.832.172.619	100.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(17.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		17.500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.250.000.000)	(185.993.057)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.154.616.993	729.699.065
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<b>(13.810.986.853)</b>	<b>(36.566.815.947)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		2.000.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	496.823.906.673	431.801.891.937
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(427.222.342.200)	(381.068.890.626)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(8.632.597.249)	(7.743.164.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		<b>62.968.967.224</b>	<b>42.989.837.261</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẬN TRONG NĂM</b>	50		<b>31.569.532.509</b>	<b>833.314.595</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		14.654.234.758	13.820.920.163
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		62.160.827	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	70	5.1	<b>46.285.928.094</b>	<b>14.654.234.758</b>



Trần Anh Tuấn  
 Tổng Giám đốc  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Trần Phan Thúy An  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hiền  
 Người lập



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện – Điện tử – Tin học Sao Bắc Đầu. Ngày 30 tháng 08 năm 2007, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 07 năm 2016.

Ngày 11 tháng 12 năm 2007, Công ty đã đăng ký là Công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 84.879.070.000 đồng, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Đức Quang	16.661.990.000	19,63	16.661.990.000	20,10
Cổ đông khác	68.217.080.000	80,37	66.217.080.000	79,90
<b>Cộng</b>	<b>84.879.070.000</b>	<b>100,00</b>	<b>82.879.070.000</b>	<b>100,00</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 201 (31/12/2015: 194).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh thương mại và dịch vụ.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các công ty con như sau:

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>
<b>Công ty con:</b>				
Công ty CP Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đẩu	Gian hàng số T3-B4L, Tầng hầm, Tòa nhà Topaz, Số 92 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	69%	69%	76,67%
Công ty CP Công Nghệ Số Sao Bắc Đẩu	Tầng 8, Tòa nhà Loyal, 151 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	74%	74%	74%
Công ty CP Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đẩu	Tầng 1 tòa nhà Lilama 10, Phố Tố Hữu, Phường Trung văn, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	60%	60%	60%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2016 gồm:

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh tại Hà Nội	Tầng 15, Tòa nhà Lilama 10, Phố Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh tại Đà Nẵng	02 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ****2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2.2. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

**3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****4.1. Ngoại tệ**

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

**4.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

**4.4. Các khoản phải thu*****Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.5. Hàng tồn kho**

***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**4.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<b><u>Năm 2016</u></b>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
▪ Máy móc thiết bị	3 – 5 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 năm



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình******Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

**4.8. Đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác******Đầu tư vào công ty con***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

**4.9. Cho thuê tài sản*****Cho thuê hoạt động***

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,.... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê.
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;

**4.11. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**4.12. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**4.13. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tắt toán trong năm 2012.

**4.14. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp.

**4.15. Vốn chủ sở hữu**

***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*****Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**4.16. Doanh thu, thu nhập khác*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

**4.17. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

**4.18. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**4.19. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

**4.20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng như các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**4.21. Thuế*****Thuế thu nhập doanh nghiệp******Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Chi phí thuế TNDN hoãn lại***

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Phần mềm tin học: 0%
- Hàng hóa: 10%
- Dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác: 10%

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	7.693.812.943	448.930.862
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.592.115.151	14.205.303.896
Các khoản tương đương tiền	12.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>46.285.928.094</b>	<b>14.654.234.758</b>

Tương đương tiền là khoản tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại ngân hàng TMCP Á Châu với lãi suất 5%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU**

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,  
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	13.800.000.000	-	-	13.800.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu	7.400.000.000	-	(4.079.179.718)	4.150.000.000	-	(1.329.132.467)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đầu	3.000.000.000	-	(377.692.874)	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>24.200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(4.456.872.592)</b>	<b>17.950.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(1.329.132.467)</b>

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao	38.580.821.706	47.571.328.706
Tập Đoàn Viễn Thông Quân Đội	30.187.701.500	-
Công Ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	15.192.700.000	-
Công Ty CP Dịch Vụ Thương Mại Phần Mềm Quang Trung	12.379.318.070	-
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Đèo Cả	11.894.925.445	-
Cục Công Nghệ Thông Tin	10.387.242.775	21.813.890.700
Các khách hàng khác	126.751.571.818	145.290.267.273
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – xem thêm mục 8	7.415.046.615	13.063.347.087
<b>Cộng</b>	<b><u>252.789.327.929</u></b>	<b><u>227.738.833.766</u></b>

**5.4. Trả trước cho người bán**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Japan Radio Co., Ltd	4.406.036.484	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	1.627.534.977	-
Công ty CP Đầu Tư Và Phát Triển Hưng Phát	1.498.170.984	-
Công ty TNHH Kỹ Thuật Tự Động Cửu Long	-	32.814.376.320
Công ty CP Đầu tư Phát triển công nghệ Trí Nam	-	20.447.224.654
F5 Networks Inc	-	182.160.000
Các nhà cung cấp khác	3.011.731.665	9.313.947.149
<b>Cộng</b>	<b><u>10.543.474.110</u></b>	<b><u>62.757.708.123</u></b>

**5.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu người lao động	2.684.534.514	-	2.034.814.971	-
Ký cược, ký quỹ	57.619.394.048	-	31.030.016.409	-
Phải thu khác	1.857.306.962	-	4.313.444.373	-
<b>Cộng</b>	<b><u>62.161.235.524</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>37.378.275.753</u></b>	<b><u>-</u></b>

(Xem tiếp trang sau)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng tại kho Công ty	15.091.606.564	(3.932.577.459)	49.326.425.898	(1.874.277.624)
Hàng đã xuất kho triển khai	92.427.611.177	-	11.542.859.799	-
Kho theo dõi hàng cho thuê	57.527.820	-	49.244.921	-
Kho theo dõi hàng Hà Nội	522.475.874	-	328.992.814	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	53.000.628.600	-	33.527.163.658	-
<b>Cộng</b>	<b>161.099.850.035</b>	<b>(3.932.577.459)</b>	<b>94.774.687.090</b>	<b>(1.874.277.624)</b>

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2016	15.138.594.055	52.212.308.353	2.940.296.901	70.291.199.309
Mua trong năm	-	11.728.680.442	732.137.209	12.460.817.651
Thanh lý, nhượng bán	-	(407.774.939)	(744.700.000)	(1.152.474.939)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>15.138.594.055</b>	<b>63.533.213.856</b>	<b>2.927.734.110</b>	<b>81.599.542.021</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2016	4.498.087.005	24.338.856.386	1.011.904.598	29.848.847.989
Khấu hao trong năm	1.013.381.623	11.884.321.040	509.688.696	13.407.391.359
Thanh lý, nhượng bán	-	(407.774.939)	(548.181.946)	(955.956.885)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>5.511.468.628</b>	<b>35.815.402.487</b>	<b>973.411.348</b>	<b>42.300.282.463</b>
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2016	10.640.507.050	27.873.451.967	1.928.392.303	40.442.351.320
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>9.627.125.427</b>	<b>27.717.811.369</b>	<b>1.954.322.762</b>	<b>39.299.259.558</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 9.627.125.427 đồng – Xem thêm mục 5.17.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 19.526.975.852 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU**Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,  
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Phần mềm máy vi tính	Tại ngày	Tăng	Giảm	Tại ngày
	01/01/2016 VND	VND	VND	31/12/2016 VND
Nguyên giá	1.325.108.555	86.958.814	-	1.412.067.369
Giá trị hao mòn lũy kế	(1.267.605.144)	(45.534.217)	-	(1.313.139.361)
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>57.503.411</b>			<b>98.928.008</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.253.725.011 VND.

**5.9. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quyền sử dụng đất	8.694.178.890	9.070.887.544
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.220.985.569	1.534.159.069
<b>Cộng</b>	<b>10.915.164.459</b>	<b>10.605.046.613</b>

Trong đó, quyền sử dụng đất tại Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã dùng thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn là 8.694.178.890 đồng – Xem thêm mục 5.17.

**5.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Blue Sky Solutions Global Trading Co., Ltd	34.877.140.140	34.877.140.140	24.566.071.853	24.566.071.853
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ A1	29.771.314.084	29.771.314.084	-	-
Công ty TNHH Azbil Việt nam	28.614.169.464	28.614.169.464	40.375.898.862	40.375.898.862
AV United Pty Ltd	19.239.412.806	19.239.412.806	-	-
Công Ty TNHH Phân phối FPT	15.565.739.734	15.565.739.734	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Elite	455.714.072	455.714.072	2.609.739.278	2.609.739.278
Phải trả cho các đối tượng khác	120.077.705.925	120.077.705.925	115.760.341.610	115.760.341.610
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	432.670.000	432.670.000	21.265.353	21.265.353
<b>Cộng</b>	<b>249.033.866.225</b>	<b>249.033.866.225</b>	<b>183.333.316.956</b>	<b>183.333.316.956</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Nam Á	9.542.618.000	9.542.618.000	9.542.618.000	9.542.618.000
Công ty TNHH Liên Doanh Sun Ivy	1.030.119.552	1.030.119.552	1.030.119.552	1.030.119.552
Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ Nam Thắng	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Đèo Cả	-	-	32.834.213.620	32.834.213.620
Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát Biển	-	-	11.686.078.905	11.686.078.905
Phải trả cho các đối tượng khác	3.555.202.647	3.555.202.647	5.999.106.974	5.999.106.974
<b>Cộng</b>	<b>25.627.940.199</b>	<b>25.627.940.199</b>	<b>71.092.137.051</b>	<b>71.092.137.051</b>

**5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2016	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Tại ngày 31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.234.287.720	30.167.427.669	32.724.868.947	676.846.442
Thuế xuất, nhập khẩu	61.561	51.153.034	51.214.595	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.460.027.602	4.271.687.782	4.657.161.331	3.074.554.053
Thuế thu nhập cá nhân	866.326.787	1.989.410.352	2.393.877.327	461.859.812
Khác	-	1.615.855.936	786.333.176	829.522.762
<b>Cộng</b>	<b>7.560.703.670</b>	<b>38.095.534.773</b>	<b>40.613.455.376</b>	<b>5.042.783.069</b>

**5.13. Phải trả người lao động**

Là khoản lương tháng 13 năm 2016 còn phải trả cho người lao động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Là chi phí trích trước tương ứng với doanh thu cung cấp dịch vụ đã thực hiện.

**5.15. Doanh thu chưa thực hiện**

Trong đó, doanh thu chưa thực hiện về cung cấp dịch vụ Internet cho khách hàng theo hợp đồng số 10. (DNG8b-DC) ngày 25/08/2012 giữa Công ty và Ban Quản lý dự án Phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông tại Thành phố Đà Nẵng có số tiền là 4.460.000.000 đồng.

**5.16. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>Tại ngày 31/12/2016 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2016 VND</b>
Kinh phí công đoàn	871.973.916	900.052.036
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	543.835.550	266.531.850
Lãi vay	-	46.540.388
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.184.983.012	890.915.339
<b>Cộng</b>	<b><u>2.600.792.478</u></b>	<b><u>2.104.039.613</u></b>

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU**

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,  
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.17. Vay và nợ thuế tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn:</b>						
Vay ngân hàng	183.964.514.904	183.964.514.904	494.435.412.772	412.059.584.046	101.588.686.178	101.588.686.178
Vay đối tượng khác	4.000.000.000	4.000.000.000	2.388.493.901	7.973.054.528	9.584.560.627	9.584.560.627
Vay dài hạn đến hạn trả	5.010.000.000	5.010.000.000	5.010.000.000	6.554.704.626	6.554.704.626	6.554.704.626
<b>Cộng</b>	<b>192.974.514.904</b>	<b>192.974.514.904</b>	<b>501.833.906.673</b>	<b>426.587.343.200</b>	<b>117.727.951.431</b>	<b>117.727.951.431</b>
<b>Dài hạn:</b>						
Vay ngân hàng	5.010.000.000	5.010.000.000	-	7.189.703.626	12.199.703.626	12.199.703.626
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	(5.010.000.000)	(5.010.000.000)	(5.010.000.000)	(6.554.704.626)	(6.554.704.626)	(6.554.704.626)
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(5.010.000.000)</b>	<b>634.999.000</b>	<b>5.644.999.000</b>	<b>5.644.999.000</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>192.974.514.904</b>	<b>192.974.514.904</b>	<b>496.823.906.673</b>	<b>427.222.342.200</b>	<b>72.327.391.349</b>	<b>72.327.391.349</b>

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn chịu lãi suất từ 6%/năm đến 7,5%/năm đối với VND và các khoản vay ngân hàng dài hạn với thời hạn 3 năm và chịu lãi suất từ 6,8%/năm đến 8,5%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Công trình xây dựng văn phòng, tài sản hình thành từ vốn vay và hệ thống máy chủ và thiết bị mạng và Quyền sử dụng đất thuê tại lô số U12b-16A, đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại lần lượt là 9.627.125.427 đồng và 8.694.178.890 đồng – Xem thêm mục 5.7 và mục 5.9;
- Quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng kinh tế giữa Công ty và khách hàng.
- Hàng hóa, khoản phải thu, hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm, sổ tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ vốn vay;
- Sổ tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ phương án vay, các khoản phải thu hình thành từ phương án vay;

Vay đối tượng khác là các khoản vay dưới hình thức tín chấp, thời hạn 1 tháng và chịu lãi suất 6,5%/năm bằng VND là khoản vay từ các bên liên quan là Công ty CP Dịch vụ Sao Bắc Đẩu với số tiền là 4 tỷ đồng - Xem thêm mục 8.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU**

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,  
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.18. Vốn chủ sở hữu****5.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	80.000.000.000	1.123.900	(3.963.240.000)	1.710.667.069	13.109.803.679	90.858.354.648
Tăng vốn trong năm trước	2.879.070.000	(1.123.900)	-	(1.710.667.069)	(1.167.279.031)	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	12.757.514.780	12.757.514.780
Chia cổ tức	-	-	-	-	(8.363.958.000)	(8.363.958.000)
Khác	-	-	3.963.240.000	-	(3.963.240.000)	-
Tại ngày 01/01/2016	82.879.070.000	-	-	-	12.372.841.428	95.251.911.428
Tăng vốn trong năm nay	2.000.000.000	-	-	-	-	2.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	18.443.041.644	18.443.041.644
Chia cổ tức	-	-	-	-	(8.287.907.000)	(8.287.907.000)
Trích quỹ	-	-	-	613.725.739	(613.725.739)	-
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>84.879.070.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>613.725.739</b>	<b>21.914.250.334</b>	<b>107.407.046.073</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ông Nguyễn Đức Quang	16.661.990.000	16.661.990.000
Cổ đông khác	68.217.080.000	66.217.080.000
<b>Cộng</b>	<b>84.879.070.000</b>	<b>82.879.070.000</b>

**5.18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu năm	82.879.070.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	2.000.000.000	2.879.070.000
Vốn góp cuối năm	84.879.070.000	82.879.070.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.287.907.000	8.363.958.000

**5.18.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	8.487.907	8.287.907
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	8.487.907	8.287.907
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.487.907	8.287.907

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**5.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Ngoại tệ các loại:		
USD	50.604,61	8.787,69

(Xem tiếp trang sau)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

## 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng	713.414.111.315	583.888.211.799
Doanh thu cung cấp dịch vụ	83.971.751.633	84.122.438.993
<b>Cộng</b>	<b>797.385.862.948</b>	<b>668.010.650.792</b>
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 8	4.532.205.144	4.463.674.104

## 6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	613.386.088.526	471.126.719.268
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	73.086.070.086	93.716.566.498
<b>Cộng</b>	<b>686.472.158.612</b>	<b>564.843.285.766</b>

## 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	653.149.917	570.065.367
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.050.616.993	246.699.065
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.484.000.000	483.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.187.766.910</b>	<b>1.299.764.432</b>

## 6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	11.106.995.820	10.346.681.352
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.321.523.022	2.335.888.899
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	490.687.321	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	3.127.740.125	1.329.132.467
Khác	31.188.960	-
<b>Cộng</b>	<b>16.078.135.248</b>	<b>14.011.702.718</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6.5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	15.363.043.180	10.300.460.017
Chi phí đồ dùng văn phòng	382.915.780	380.540.853
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.838.312	4.686.261.950
Chi phí bảo hành	183.211.360	121.442.432
Chi phí Pre – sales	1.837.720.177	1.616.424.331
Chi phí phát hành, gia hạn thư bảo lãnh	2.828.698.871	5.966.022.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.213.131.501	611.519.984
Chi phí bằng tiền khác	9.410.786.724	7.684.935.681
<b>Cộng</b>	<b>31.230.345.905</b>	<b>31.367.607.660</b>

**6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	32.130.006.439	30.862.658.475
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	1.560.838.817	1.064.562.021
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.306.457.678	3.463.004.064
Chi phí dự phòng	-	845.264.674
Chi phí điện, nước, thuê mặt bằng	2.499.492.260	2.978.482.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.862.518.011	4.920.094.677
Chi phí bằng tiền khác	6.649.572.870	3.251.317.360
<b>Cộng</b>	<b>53.008.886.075</b>	<b>47.385.383.338</b>

**6.7. Thu nhập khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	306.163.764	45.813.834
Thu phạt hợp đồng	1.676.883.764	-
Thu nhập khác	5.784.997.786	4.638.445.796
<b>Cộng</b>	<b>7.768.045.314</b>	<b>4.684.259.630</b>

**6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân công	47.493.049.619	41.163.118.492
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.452.925.576	14.896.117.611
Chi phí dự phòng	-	845.264.674
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.375.212.680	103.183.700.804
Chi phí khác bằng tiền	18.004.114.191	12.381.355.915
<b>Cộng</b>	<b>157.325.302.066</b>	<b>172.469.557.496</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	22.733.605.759	16.224.712.462
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	185.325.335	18.277.000
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(2.546.160.827)	(483.000.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	20.372.770.267	15.759.989.462
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	4.074.554.053	3.467.197.682
Chi phí thuế TNDN nộp bổ sung	197.133.729	-
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>4.271.687.782</b>	<b>3.467.197.682</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như:

- Chi phí không có hóa đơn chứng từ.
- Cổ tức được chia.

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

**7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	496.823.906.673	431.801.891.937

**7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(427.222.342.200)	(381.068.890.626)

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan**

1. Công ty CP Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu
2. Công ty CP Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu
3. Công ty CP Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu
4. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

**Mối quan hệ**

Công ty con  
Công ty con  
Công ty con  
Thành viên quản lý chủ chốt



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,  
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Phải thu khách hàng:</b>		
Công ty CP Dịch vụ Công nghệ Sao Bắc Đầu	945.817	-
Công ty CP Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	144.965.581	-
Công ty CP Công nghệ Số Sao Bắc Đầu	7.269.135.217	13.063.347.087
<b>Cộng – Xem thêm mục 5.3</b>	<b>7.415.046.615</b>	<b>13.063.347.087</b>
	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Vay ngắn hạn – Xem mục 5.17:</b>		
Công ty CP Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Phải trả người bán:</b>		
Công ty CP Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	-	(21.265.353)
Công ty CP Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	(400.000.000)	-
Công ty CP Công nghệ Số Sao Bắc Đầu	(32.670.000)	-
<b>Cộng – Xem thêm mục 5.10</b>	<b>(432.670.000)</b>	<b>(21.265.353)</b>
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ:</b>		
Công ty CP Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	2.035.683.656	3.098.595.085
Công ty CP Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	131.786.892	-
Công ty CP Công nghệ Số Sao Bắc Đầu	2.364.734.596	1.365.079.019
<b>Cộng – Xem thêm mục 6.1</b>	<b>4.532.205.144</b>	<b>4.463.674.104</b>
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Bán tài sản và công cụ dụng cụ:</b>		
Công ty CP Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	1.329.490.801	-
Công ty CP Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu	-	15.058.494.251
<b>Cộng</b>	<b>1.329.490.801</b>	<b>15.058.494.251</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	<b>Năm 2016 VND</b>	<b>Năm 2015 VND</b>
Mua hàng hóa và dịch vụ:		
Công ty CP Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	-	58.874.130
Công ty CP Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	2.291.830.582	-
Công ty CP Công nghệ Số Sao Bắc Đầu	1.069.151.646	976.306.148
<b>Cộng</b>	<b>3.360.982.228</b>	<b>1.035.180.278</b>
	<b>Năm 2016 VND</b>	<b>Năm 2015 VND</b>
Mua tài sản:		
Công ty CP Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu	1.329.490.801	-
	<b>Năm 2016 VND</b>	<b>Năm 2015 VND</b>
Nhận tiền vay:		
Công ty CP Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	2.000.000.000	6.500.000.000
	<b>Năm 2016 VND</b>	<b>Năm 2015 VND</b>
Chi phí lãi vay:		
Công ty CP Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	238.333.326	187.819.437
	<b>Năm 2016 VND</b>	<b>Năm 2015 VND</b>
Lãi chậm thanh toán:		
Công ty CP Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu	653.070.507	-
<p>Công ty cũng nhận tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Lãi được trích hoặc phải trả theo lãi suất kinh doanh thông thường. Khoản vay từ các bên có liên quan chịu lãi suất là 7,5%/năm đối với VND. Khoản vay tín chấp này có thời gian hoàn trả cụ thể.</p> <p>Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.</p> <p>Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.</p> <p>Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:</p>		
	<b>Năm 2016 VND</b>	<b>Năm 2015 VND</b>
Thù lao và thu nhập	5.451.797.526	6.209.105.024



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****9. THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thù lao	226.578.400	209.578.400

**10. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Bảng cân đối kế toán riêng (Trích):

	Tại ngày 01/01/2016 VND (Được báo cáo lại)	Tại ngày 01/01/2015 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Hàng tồn kho	94.774.687.090	61.247.523.432
Chi phí trả trước ngắn hạn	485.702.139	34.012.865.797

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do trình bày lại chi phí sản xuất dở dang của các đơn hàng đã phát sinh nhưng chưa ghi nhận doanh thu.

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Trích):

	Năm 2016 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2015 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Giá vốn hàng bán	564.843.285.766	557.324.808.172
Chi phí bán hàng	31.367.607.660	38.886.085.254

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do trình bày lại chi phí khấu hao của các tài sản cho thuê vào giá vốn hàng bán.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng:

Trong năm, Công ty thay đổi phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp.

**11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



**Trần Anh Tuấn**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2017

**Trần Phan Thúy An**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Thu Hiền**  
Người lập